

# Sử dụng mạng xã hội của một số tộc người ở vùng biên giới tỉnh Lào Cai

Lê Ngọc Huỳnh\*

Nhận ngày 17 tháng 5 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 5 tháng 8 năm 2023.

**Tóm tắt:** Sự xuất hiện của các nền tảng xã hội facebook, zalo, youtube, wechat phát triển mạnh mẽ trong khoảng hai thập kỷ qua tạo ra sự bùng nổ về thông tin, kết nối xã hội, thương mại trực tuyến. Nó đã len lỏi vào mọi ngõ ngách trong đời sống của cộng đồng cư dân vùng biên giới Việt Nam. Người Giáy và Hmông ở tỉnh Lào Cai cũng tận dụng mạng xã hội cho kết nối quan hệ xã hội, học tập, tìm hiểu thông tin kinh tế - văn hoá - xã hội, tìm kiếm việc làm và bạn đời... với tỷ lệ ngày càng cao. Mức độ sử dụng internet và mạng lưới xã hội cao giúp người Giáy và Hmông mở rộng hơn nữa mạng lưới quan hệ xã, hội nhập sâu vào nền văn hóa, kinh tế của quốc gia.

**Từ khóa:** Sử dụng mạng xã hội, người Giáy, người Hmông, ý thức tộc người, ý thức quốc gia dân tộc.

**Phân loại ngành:** Dân tộc học

**Abstract:** Social platforms such as facebook, zalo, youtube, wechat have developed strongly in the past two decades, creating an explosion of information, social connection, and online commerce. It has crept into every corner in the lives of the border communities of Vietnam. Giáy and Hmông people in Lào Cai province have increasingly taken advantage of these social networks for social connection, studying, finding out socio-economic-cultural information, looking for job and life partner, etc. With the widespread use of the internet and social media, the Giáy and Hmông people are able to expand their social networks and become more integrated into the culture and economy of the country.

**Keywords:** Social media use, the Giáy people, the Hmông people, ethnic consciousness, national consciousness.

**Subject classification:** Ethnology

## 1. Mở đầu

Trong xu thế phát triển bùng nổ của phương tiện, hình thức truyền thông như hiện nay, ở vùng sâu, vùng xa, nơi biên giới, việc sử dụng internet và tham gia mạng xã hội đang phổ biến và trở thành nhu cầu không thể thiếu của mỗi người dân, nhất là lớp trẻ. Dưới sự đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nội dung chương trình của nhiều ban ngành hữu quan và các công ty, tập đoàn viễn thông lớn trong nước, mạng internet, trạm phát sóng 3G, 4G phủ rộng khắp nơi. Cùng với đó, tốc độ phát triển thần tốc của khoa học kỹ thuật khiến cho điện thoại thông minh trở thành vật dụng phổ thông mà gần như mỗi người dân đều sở hữu dẫn đến mức độ sử dụng internet của đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta ngày một tăng. Theo báo cáo “số liệu về phụ nữ và nam giới các dân tộc ở Việt Nam giai đoạn 2015-2019” năm 2021, có 92,5% hộ gia đình dân tộc thiểu số có sử dụng điện thoại cố định/và di động, tăng 17% so với năm 2015 (Quỳnh Chi, 2021).

Nhờ giá cước internet phù hợp với mức sống của người dân và những tiện ích từ các phần mềm xã hội mà mức độ sử dụng internet, mạng xã hội trong dân chúng ngày càng tăng lên nhưng có sự khác nhau giữa các vùng miền và dân tộc. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng internet (46,1%) và điện thoại (84,6%) ở Tây Nguyên thấp hơn so với các vùng khác. Một số dân tộc ít người ở miền núi phía bắc có tỷ lệ sử dụng internet cực thấp là Mảng 23,3%, Cống 24,3% và Si La 29,6% (Xuân Trường, 2021). Qua hai đợt khảo sát thực tế người Giáy ở huyện Bát Xát và người Hmông ở huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai chúng tôi nhận thấy, tỷ lệ người sử dụng internet của hai tộc người này ở mức cao hơn 82%.

---

\* Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.  
Email: huynhathno@gmail.com

Người Giáy và người Hmông sử dụng internet và các nền tảng xã hội facebook, zalo, wechat, youtube,... cho việc kết nối với người thân, bạn bè, tìm kiếm công việc, bán hàng và giải trí. Các công cụ này giúp người dân giảm bớt thời gian đi lại, xử lý công việc nhanh chóng và hiệu quả, gắn kết tình cảm trong các mối quan hệ xã hội và đặc biệt hiệu quả trong liên kết lao động xuyên biên giới. Internet và các nền tảng xã hội còn giúp cộng đồng dân tộc thiểu số nâng cao hiểu biết về chính sách của nhà nước, giáo dục, y tế, văn hóa quốc gia, dân tộc, mở rộng mạng lưới quan hệ xã hội cá nhân. Song, việc sử dụng internet và các trang mạng xã hội trong khi nhận thức và hiểu biết của người dân còn hạn chế có thể mang lại những bất ổn cho xã hội và an ninh quốc phòng. Mặt trái này cùng với những tổn thương ở nhiều khía cạnh bởi dịch Covid-19 và các chính sách liên quan đến nó ở khu vực biên giới tạo ra xu hướng mới trong vấn đề ý thức quốc gia dân tộc của người dân. Sự hòa nhập vào nền văn hóa quốc gia, mối quan hệ giữa tộc người thiểu số với tộc người đa số, quan hệ giữa các tộc người thiểu số với nhau và quan hệ nội tại tộc người cho phép hai tộc người này phát triển mạng lưới xã hội và kinh tế.

Bài viết<sup>1</sup> này tập trung phân tích thực trạng và mục đích sử dụng mạng xã hội của người Giáy và người Hmông dựa trên phương pháp định lượng và định tính. Chúng tôi tổ chức điều tra bằng bảng hỏi với 207 người dân, trong đó 105 người Giáy và 102 người Hmông ở xã Quang Kim, huyện Bát Xát và xã Tả Ngải Chồ, huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai. Những người được điều tra đều trong độ tuổi từ 18 trở lên với ngành nghề chính làm nông nghiệp (85,5%) và một số ngành nghề khác như cán bộ nhà nước, lao động tự do, kinh doanh... Trong tổng số người được khảo sát có 29% chưa từng đến trường, 15% có trình độ tiểu học, 37,6% có trình độ trung học cơ sở (THCS), 12,1% có trình độ phổ thông trung học và 7,2% có trình độ trung cấp trở lên. Ngoài ra, chúng tôi tiến hành phỏng vấn sâu một số người Giáy và người Hmông ở các xã trên và xã A Mú Sùng huyện Bát Xát để thu thập tư liệu liên quan đến những mối quan hệ xã hội, việc sử dụng mạng xã hội trong duy trì và phát triển các mối quan hệ xã hội của người dân vùng biên.

## **2. Thực trạng sử dụng internet và mạng xã hội của người Giáy và Hmông**

Lào Cai là một trong những tỉnh biên giới ở miền núi phía bắc, tiếp giáp với tỉnh Vân Nam của Trung Quốc. Trải qua quá trình phát triển của lịch sử và di cư, nhiều tộc người ở miền Nam Trung Quốc đã thiên di đến Lào Cai và định cư ở đây từ hàng trăm năm trước. Bởi vậy, Lào Cai có 25 tộc người cùng sinh sống, họ chiếm 64,1% dân số của tỉnh, trong đó người Hmông, Tày, Dao có dân số đông nhất, và người Kinh chiếm 35,9% tổng dân số (Tổng cục Thống kê, 2019). Phần lớn các tộc người đều có thể sử dụng đa ngôn ngữ.

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ tìm hiểu người Giáy và người Hmông ở huyện Bát Xát và Mường Khương của tỉnh Lào Cai. Hai tộc người này đều sinh sống ở khu vực giáp biên, có mối quan hệ kinh tế, văn hóa, xã hội với người thân tộc, đồng tộc ở Trung Quốc (Trần Thị Mai Lan và cộng sự, 2016). Trong thời đại bùng nổ của công nghệ thông tin, các phương tiện phát thanh, truyền hình, mạng xã hội lan tỏa sâu rộng trong đời sống thường nhật đã giúp cư dân khu vực biên giới dễ dàng tiếp nhận lượng thông tin đa dạng, đa chiều. Điều này có tác động nhất định đến ý thức tộc người, ý thức quốc gia dân tộc.

### *2.1. Cơ sở hạ tầng và công cụ kết nối internet của người Giáy và người Hmông*

Người Giáy và người Hmông đều sinh sống ở khu vực biên giới của tỉnh Lào Cai, nơi mà mọi điều kiện về cơ sở hạ tầng, địa lý đều khó khăn. Song, là vị trí trọng yếu của an ninh quốc phòng, nên được chính quyền các cấp từ trung ương đến địa phương quan tâm, nhất là trong những năm gần đây. Các công ty truyền thông đã xây dựng hệ thống trạm thu phát phủ sóng rộng toàn tỉnh, 100% số xã, phường có kết nối cáp quang. Tính đến năm 2021, trên toàn tỉnh Lào Cai có 2.781 trạm phát sóng thông tin di động với bán kính phục vụ bình quân 2,04 km/trạm, trong đó

<sup>1</sup> Bài viết là sản phẩm của đề tài cấp Bộ "Truyền thông và vấn đề xây dựng ý thức quốc gia ở một số tộc người vùng biên giới Việt - Trung tại tỉnh Lào Cai", do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Trần Hồng Thu làm chủ nhiệm, giai đoạn 2021-2022.

có 861 trạm 2G, 980 trạm 3G và 877 trạm 4G, đảm bảo cung cấp dịch vụ di động cho 1.568/1.569 thôn, bản trên toàn tỉnh (Mạnh Dũng, 2022). Tổng số thuê bao Internet băng thông rộng đạt 463.318 thuê bao, mật độ 563 thuê bao/100 dân. Tổng số thuê bao điện thoại di động đạt 721.278 thuê bao, mật độ 97 thuê bao/100 dân. Nhiều cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, trường học trên địa bàn tỉnh Lào Cai đã xây dựng hơn 500 trang thông tin điện tử trên mạng xã hội và thu hút nhiều lượng truy cập. Các trang thông tin điện tử, facebook của đài truyền thanh, truyền hình Lào Cai trong đó có chương trình tiếng Dao và tiếng Hmông thu hút hàng triệu người xem, truy cập và theo dõi từ nhiều nơi trong tỉnh, trong nước và ở một số quốc gia khác (Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai, 2020). Riêng địa bàn xã Quang Kim đã được phủ sóng Viettel, Vinaphone, Mobiphone với 90% hộ gia đình sử dụng internet (Ủy ban nhân dân xã Quang Kim, 2021). Cùng với đó, những năm gần đây, thị trường điện thoại thông minh giá rẻ, phù hợp với thu nhập của người dân đã giúp họ dễ dàng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ internet 3G, 4G.

Kết quả khảo sát phiếu tại hai điểm nghiên cứu cho thấy, các thiết bị kết nối internet của người dân khá đa dạng, nhưng điện thoại thông minh là công cụ chính. Máy tính cá nhân và máy tính để bàn không được sử dụng nhiều do không phù hợp điều kiện kinh tế và nhu cầu của người dân. Những thiết bị này chỉ được số ít người làm giáo viên, công nhân viên chức nhà nước sử dụng. Trong thời gian dịch Covid-19 diễn ra, học sinh phải thực hiện chương trình giáo dục online, nhu cầu về các thiết bị này tăng cao. Song, điều kiện kinh tế khó khăn, máy tính để bàn/xách tay vẫn chưa đến được với học sinh. Thay vào đó, xuất hiện một vài quán internet phục vụ trò chơi điện tử cho lớp trẻ. Quang Kim là xã tiếp giáp với trung tâm huyện Bát Xát và thành phố Lào Cai, chịu ảnh hưởng mạnh của văn hóa mạng nên xuất hiện nhiều quán internet. Vì vậy, máy tính để bàn và tiệm internet phổ biến hơn trong cộng đồng người Giáy, so với người Hmông ở huyện Mường Khương.

Tivi là một trong những công cụ quan trọng để người dân tiếp nhận thông tin truyền thông. Người Giáy sở hữu tivi ở mức khá cao 85,7% và người Hmông là 75,2%. Tuy nhiên, phần lớn thiết bị này không có kết nối internet, đã bị hỏng từ lâu mà người dân không có điều kiện sửa chữa hoặc không muốn sửa chữa. Hơn nữa, sống trong vùng sâu, địa hình lồi lõm, tín hiệu sóng truyền hình trong nước không ổn định, sử dụng đầu thu trong nước phải mất phí trong khi điều kiện kinh tế còn eo hẹp cũng là một trở ngại, phần nào gây khó khăn cho người dân. Bởi lẽ đó, họ sử dụng đầu thu phát kỹ thuật số được mua lậu, chất lượng kém để tiếp sóng các chương trình truyền hình. Thêm vào đó, tần số sóng phát thanh và truyền hình tại khu vực này yếu hơn sóng của Trung Quốc, nên người dân chủ yếu bắt được tín hiệu truyền hình của phía Trung Quốc. Trước thực trạng trên, vài năm trở lại đây, chính quyền và các ban ngành hữu quan của tỉnh Lào Cai đã có sự điều chỉnh tần số để tránh sự trùng lặp bước sóng của Trung Quốc, giúp người dân tiếp cận kênh truyền hình, phát thanh trong nước được cải thiện. Smart TV, một thiết bị đầu cuối hiện đại, có thể kết nối internet. Song, giá thành cao, vượt quá khả năng tài chính của người dân nên không phổ biến. Chỉ một bộ phận nhỏ trong cộng đồng có kinh tế tương đối khá giả sở hữu loại này để kết nối internet.

Điện thoại thông minh ngày càng nhiều mẫu mã, giá thành rẻ, nhất là các thương hiệu đến từ Trung Quốc phù hợp với khả năng tài chính của người dân. Điện thoại thông minh có tính di động cao, ngoài chức năng liên lạc, còn cho phép người dùng vừa làm việc vừa có thể thỏa mãn nhu cầu giải trí. Thiết bị này ngày càng được trang bị sẵn nhiều phần mềm xã hội, các app xem chương trình tivi, ca nhạc và trò chơi điện tử... Vì vậy, những năm gần đây điện thoại thông minh là lựa chọn hàng đầu, hợp lý đối với người dân, giúp tỷ lệ sở hữu điện thoại và sử dụng internet trong cộng đồng tăng cao. Kết quả khảo sát phiếu cho thấy, 81,6% người dân sở hữu và sử dụng điện thoại thông minh, trong đó tỷ lệ này ở người Giáy là 77,1%, người Hmông là 86,1%. Điều này không đồng nghĩa với việc người Giáy sử dụng điện thoại thông minh ít hơn người Hmông, mà do số người Giáy tham gia trả lời phỏng vấn ở độ tuổi trên 51 nhiều hơn so với người Hmông. Nhóm người này bị hạn chế bởi trình độ học vấn, nên họ chỉ dùng điện thoại thông thường cho mục đích kết nối liên lạc với người thân thay cho điện thoại thông minh có nhiều tính năng giải trí. Tỷ lệ sử dụng điện thoại thường ở hai tộc người này không có sự chênh lệch đáng kể, với người Giáy

là 25,7%, và người Hmông là 22,8%. Một số người Hmông, chủ yếu là phụ nữ, ở những hộ gia đình nghèo không có điều kiện dùng điện thoại thông minh cũng sử dụng điện thoại thường làm phương tiện giao tiếp, liên lạc với người thân và bạn bè.

Bảng 1 cho thấy, tỷ lệ sử dụng điện thoại cá nhân kết nối internet của người Giáy là 94,7%, trong khi đó người Hmông đạt tỷ lệ 100%. Thông số trên khớp với kết quả phỏng vấn và quan sát tại địa phương. Phù hợp với tình hình thực tế trong thời gian diễn ra dịch Covid-19, học sinh thực hiện chương trình học online, dẫn đến mức độ kết nối và sử dụng internet càng phổ biến và tăng nhanh.

Bảng 1: Thiết bị kết nối internet của người Giáy và người Hmông

Thiết bị kết nối mạng và mạng xã hội		Dân tộc		Tổng
		Giáy	Hmông	
Máy tính gia đình	Trường hợp	4	2	6
	Tỷ lệ	5,3%	2,4%	3,8%
Máy tính quán internet	Trường hợp	8	4	12
	Tỷ lệ	10,7%	4,7%	7,5%
Điện thoại di động cá nhân	Trường hợp	71	85	156
	Tỷ lệ	94,7%	100%	97,5%
Thiết bị khác (Smart TV)	Trường hợp	3	4	4
	Tỷ lệ	4,2%	5,8%	21,1%

*Nguồn:* Tư liệu điều tra của đề tài năm 2021 và năm 2022.

## 2.2. Mạng xã hội và mức độ sử dụng internet của người Giáy và người Hmông

Các nền tảng mạng xã hội là công cụ giao tiếp phổ biến trong xã hội Việt Nam hiện nay. Theo thống kê, nước ta có khoảng 73,6 triệu người dùng mạng xã hội, trong đó 95% người dùng internet sử dụng facebook và zalo là mạng xã hội phổ biến thứ hai (Lê Đức Tuấn, 2023). Gần đây, tiktok đang làm khuynh đảo những người sử dụng internet. Tại điểm nghiên cứu, người Giáy và người Hmông có mức độ sử dụng internet, nền tảng xã hội facebook, zalo ở mức cao, và tiktok bắt đầu xuất hiện trong một bộ phận lớp trẻ.

Nhìn vào Bảng 2 ta thấy, tỷ lệ sử dụng internet của người Giáy ở mức 82,9%, người Hmông 83,5%, con số này cao hơn mức trung bình của cả nước (46,1%). Song song với đó, tỷ lệ người dùng các trang mạng xã hội cũng ở mức cao. Họ sử dụng facebook, zalo, wechat, QQ và các mạng xã hội khác như tiktok, whatsapp..., trong đó, hai trang mạng xã hội được sử dụng nhiều nhất là facebook, zalo. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Lan Hương (2019) về tác động của mạng xã hội đối với lối sống của thanh thiếu niên Việt Nam thực hiện tại Hà Nội và Lào Cai cũng cho thấy, facebook, zalo là hai nền tảng xã hội có mức độ phổ biến cao trong đời sống người dân, cùng với đó là youtube bởi tính năng xem video.

Mức độ sử dụng facebook của hai tộc người này đều ở mức trên 80%. Zalo có mức độ sử dụng cao hơn, ở người Giáy có 92,1% và người Hmông là 85,9%. Ngoài ra, họ sử dụng các nền tảng xã hội của Trung Quốc như wechat, QQ. Hai trang mạng xã hội này được những người tham gia lao động ở Trung Quốc sử dụng, trong đó wechat được dùng nhiều hơn. QQ có tính năng giống như phần mềm yahoo, hiện nay không còn phổ biến trong xã hội Trung Quốc nên các tộc người ở Việt Nam cũng ít sử dụng. Wechat là nền tảng xã hội tương tự như zalo của Việt Nam, nhưng có nhiều tính năng tiện dụng hơn, đặc biệt tính năng thanh toán, chuyển tiền trực tiếp, nhờ sự liên kết với hệ thống ngân hàng. Những người đã từng sinh sống và đang có mối quan hệ với Trung Quốc sử dụng phần mềm wechat làm công cụ liên lạc, thực hiện công việc. Phần mềm này được một bộ phận người Giáy và người Hmông sống ở vùng biên giới Việt Nam sử dụng, bởi họ có mối quan hệ thân tộc và đồng tộc bên Trung Quốc. Đặc biệt, những năm gần đây làn sóng người dân qua bên kia biên giới lao động làm thuê, buôn bán, có mối quan hệ kinh tế gắn liền với giới chủ Trung Quốc khiến mức độ sử dụng wechat càng phổ biến hơn. Nhưng từ khi dịch Covid-19 diễn ra, tính phổ biến và tần suất sử dụng phần mềm này có xu hướng giảm. Tiktok là một phần mềm xã hội mới của Trung Quốc có nhiều tính năng phù hợp với lớp trẻ. Bởi vậy, tốc độ sử dụng nó lan truyền nhanh chóng trên thế giới trong vài năm gần đây. Một số thanh niên người Giáy bắt đầu dùng tiktok cho mục đích giải trí.

Bảng 2: Sử dụng internet và mạng xã hội của người Giáy và người Hmông

Kết nối internet và mạng xã hội		Dân tộc		Tổng
		Giáy	Hmông	
Mạng internet	Trường hợp	63	71	134
	Tỷ lệ	82,9%	83,5%	83,2%
Facebook	Trường hợp	62	70	132
	Tỷ lệ	81,6%	82,4%	82,0%
Zalo	Trường hợp	70	73	143
	Tỷ lệ	92,1%	85,9%	88,8%
Wechat	Trường hợp	12	13	25
	Tỷ lệ	15,8%	15,3%	15,5%
QQ	Trường hợp	0	1	1
	Tỷ lệ	0,0%	1,2%	0,6%
Các mạng xã hội khác (Tiktok, Whatsapp, ...)	Trường hợp	2	3	5
	Tỷ lệ	2,6%	3,5%	3,1%

*Nguồn:* Tư liệu điều tra của đề tài năm 2021 và năm 2022.

Xét theo độ tuổi, mức độ sử dụng internet có sự khác nhau. Nhóm người từ 30 tuổi trở xuống sử dụng nền tảng xã hội cao hơn nhiều so với các độ tuổi khác, với facebook là 94,4%, zalo 91,7%, wechat là 20,8%, và một bộ phận nhỏ bắt đầu dùng phần mềm tiktok, cho mục đích giải trí. Nhóm tuổi 30-50 cũng có tỷ lệ sử dụng mạng xã hội ở mức cao, zalo có 91,3% số người sử dụng, chiếm ưu thế hơn với so với facebook 75,4%. Có 8 người thuộc nhóm tuổi này sử dụng wechat, thấp hơn nhiều so với lứa tuổi thanh niên (11,6%). Nhóm tuổi từ 51 trở lên mức độ sử dụng nền tảng mạng xã hội thấp bởi sự hạn chế về tuổi tác, khả năng sử dụng ngôn ngữ phổ thông.

Trình độ học vấn càng cao thì mức độ sử dụng internet càng lớn. Với những người tốt nghiệp trung cấp trở lên có công việc liên quan đến internet thì mức độ kết nối có tỷ lệ 100%. Tỷ lệ này thấp dần đều theo trình độ học vấn, từ 92% cho bậc trung học phổ thông (THPT), đến 86,7% ở bậc THCS, và 77,3% đối với bậc Tiểu học, và những người không biết chữ thì mức độ kết nối thấp nhất là 58,3%. Tỷ lệ này tương đồng với mức độ sử dụng mạng xã hội. Những người có trình độ học vấn cao sử dụng mạng xã hội nhiều hơn, nhất là facebook với 93,3%. Trong khi đó, những người không biết chữ chỉ 1/3 số người được hỏi sử dụng facebook. Zalo được sử dụng ở mức độ cao thuộc mọi lứa tuổi, bởi đáp ứng tính năng gọi thoại miễn phí. Người dân sử dụng tính năng này thay thế cho gọi trực tiếp qua số điện thoại để giảm mức tiêu dùng hàng tháng. Những người không biết chữ thường rơi vào nhóm quá tuổi lao động, họ làm công việc nhà, trông cháu, ít giao lưu xã hội. Nhóm người có trình độ học vấn bậc Tiểu học, THCS là những người nông dân, thường xuyên sang Trung Quốc làm thuê các việc lao động phổ thông. Giữa họ và người Trung Quốc có mối quan hệ công việc nên mức độ sử dụng wechat cao hơn các nhóm tuổi khác (18-21%). Theo con số tuyệt đối, 16 người có trình độ học vấn THCS, 2 người có trình độ Trung cấp trở lên, 3 người trình độ THPT, và 4 người có trình độ Tiểu học sử dụng phần mềm wechat.

Thời gian sử dụng internet của hai tộc người Giáy và Hmông rất cao, 100% những người được hỏi đều sử dụng, nhưng có sự khác nhau về tần suất. 70,7% số người được hỏi sử dụng internet toàn thời gian trong ngày, trong đó chủ yếu sử dụng facebook (64,8%), zalo (72,2%), và wechat (33,3%). Sử dụng internet vào một thời điểm nhất định trong ngày chiếm tỷ lệ 23,7%. Tỷ lệ này ngang bằng mức sử dụng các ứng dụng facebook, zalo và wechat. Điều này cho thấy, khi kết nối internet là lúc họ sử dụng các phần mềm xã hội hay nói cách khác, khi cần sử dụng đến facebook, zalo... họ mới kết nối internet. Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy, khi cần liên lạc với ai người dân dùng zalo hoặc facebook để liên lạc. Buổi trưa và tối, có thời gian rảnh họ vào facebook, zalo nói chuyện hoặc dùng youtube để nghe nhạc, xem phim, xem chương trình truyền hình của đài truyền

hình trung ương và tỉnh Lào Cai trên các app. Đối tượng trong một tuần, một tháng vài lần kết nối internet và sử dụng các nền tảng xã hội thường là những người già, họ được con cháu hướng dẫn nhưng rất ít sử dụng.

### 2.3. Ngôn ngữ trong khi sử dụng mạng xã hội của người Giáy và người Hmông

Như đã nói ở trên, Lào Cai là tỉnh có nhiều dân tộc cùng sinh sống, trong quá trình cộng cư xen cài, các tộc người có sự giao lưu văn hóa, trao đổi kinh tế dẫn đến họ biết được nhiều thứ ngôn ngữ khác nhau. Ngoài việc sử dụng thành thạo ngôn ngữ tộc người, thì tiếng phổ thông (tiếng Việt) được sử dụng rộng rãi trong đời sống hàng ngày của người Giáy và người Hmông, nhất là lớp trẻ. Một bộ phận người già chưa từng đến trường lớp, họ không sử dụng được tiếng phổ thông. Trong cộng đồng hai tộc người này không ít người còn có thể sử dụng được một hay nhiều hơn ngôn ngữ của các tộc người xung quanh trong giao tiếp. Hơn nữa, các tộc người này còn hiểu được tiếng Quan Hỏa, một ngôn ngữ địa phương ở vùng lưỡng Quảng của Trung Quốc (Bảng 3).

Bảng 3: Năng lực sử dụng ngôn ngữ của người Giáy và người Hmông

Ngôn ngữ		Tộc người Giáy				Tộc người Hmông			
		Năng lực sử dụng ngôn ngữ				Năng lực sử dụng ngôn ngữ			
		Nghe	Nói	Đọc	Viết	Nghe	Nói	Đọc	Viết
Tiếng phổ thông	Trường hợp	105	105	63	62	99	99	81	80
	Tỷ lệ	100%	100%	60%	59%	97,1%	97,1%	79,4%	74,8%
Tiếng dân tộc mình	Trường hợp	101	101	17	18	102	101	53	39
	Tỷ lệ	97,1%	97,1%	16,3%	17,3%	100%	99%	52%	38,2%
Tiếng dân tộc khác	Trường hợp	5	3	0	0	5	4	1	0
	Tỷ lệ	4,8%	2,9%	0%	0%	4,9%	3,9%	1%	0%
Tiếng Trung	Trường hợp	17	15	1	0	40	35	3	2
	Tỷ lệ	16,3%	14,4%	1%	0%	39,2%	34,3%	2,9%	2%
Tiếng Anh	Trường hợp	1	1	0	0	1	1	1	1
	Tỷ lệ	1%	1%	0%	0%	1%	1%	1%	1%

Nguồn: Tư liệu điều tra của đề tài năm 2021 và năm 2022.

Số liệu của bảng trên cho thấy, cả hai dân tộc đều sử dụng và nghe hiểu thành thạo ngôn ngữ tộc người mình, với người Giáy là 97,1%, và người Hmông là 100%. Tuy nhiên, khả năng sử dụng ngôn ngữ tộc người đang có xu hướng giảm ở bộ phận thanh thiếu niên bởi từ nhỏ đã đến trường và học tiếng Việt qua quá trình tiếp nhận nền giáo dục quốc gia. Xu thế này diễn ra mạnh mẽ hơn ở tộc người Giáy. Không có chỉ số đo lường định lượng, nhưng dựa trên kết quả phỏng vấn sâu và quan sát có thể thấy: người Giáy sống ở vùng thấp, gần đô thị, nơi có đông người Kinh sinh sống nên mức độ chịu ảnh hưởng ngôn ngữ của người Việt diễn ra mạnh mẽ hơn; mối quan hệ thân tộc và đồng tộc ở bên kia biên giới đang mờ nhạt. Kết quả thảo luận nhóm tại thôn Làng Pẩn cho thấy, người Giáy vẫn còn anh em họ hàng thân tộc bên Trung Quốc, nhưng mối quan hệ huyết thống đã xa, ít qua lại, nhất là sau năm 1979. Hàng ngày, giao lưu với người Kinh nhiều nên sử dụng tiếng phổ thông là chính. Khi ở nhà sử dụng đồng thời hai ngôn ngữ, trong đó dùng tiếng Kinh nói với trẻ em để chúng đi học dễ dàng hơn. Ngược lại, người Hmông giữ được tiếng nói tộc người mình tốt hơn, bởi hàng ngày họ nghe, xem chương trình phim truyện, ca nhạc trên các kênh tiếng Hmông do nước ngoài sản xuất. Thậm chí, một bộ phận người già xem các chương trình truyền hình của Trung Quốc bởi họ có thể nghe hiểu được tiếng Quan Hỏa, nhất là người Hmông ở xã A Mú Sung. Nhiều người Hmông cao tuổi thông thạo tiếng Quan Hỏa hơn tiếng phổ thông. Khi sử dụng internet và mạng xã hội cả hai tộc người này đều ít sử dụng ngôn ngữ tộc người. Xét theo từng tộc người, thì người Giáy ít sử dụng ngôn ngữ tộc người trên các nền tảng xã hội, đều ở mức 20% trở xuống. Tỷ lệ này ở người Hmông cao hơn, đều ở mức 26-27%.

Tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia, nên người dân đều có thể nghe hiểu được. Kết quả ở bảng 3 cho thấy, tỷ lệ người Giáy biết đọc và biết viết thấp hơn đáng kể so với người Hmông. Nhưng điều này không phản ánh hết thực trạng sử dụng ngôn ngữ bởi những cá nhân tham gia trả lời phỏng vấn của tộc người Giáy ở lứa tuổi 51 trở lên chiếm tỷ lệ cao hơn so với người Hmông. Đây là những người chưa từng được đến trường học hoặc chỉ được tham gia lớp học xóa mù chữ, lâu ngày không sử dụng rơi vào tình trạng tái mù chữ. Mức độ phổ cập tiếng Việt còn được thể hiện rất rõ qua việc sử dụng ngôn ngữ trên mạng xã hội. Trên tất cả các phần mềm xã hội như facebook, zalo, wechat tiếng Việt là ngôn ngữ chính. Ở facebook tỷ lệ 98,5%, zalo 99,3% và wechat là 83,3%. Tỷ lệ này vượt trội so với ngôn ngữ tộc người và ngoại ngữ. Xét theo từng tộc người, mức độ sử dụng tiếng Việt trên facebook và zalo ở hai tộc người này tương đương nhau, đều ở mức trên 98%, chỉ có sự khác biệt trong khi dùng wechat. Người Giáy sử dụng tiếng Việt trên wechat là 90,9%, người Hmông là 76,9%. Điều này cho thấy, mức độ thông thạo tiếng Việt, cũng như sự phổ cập của nó trong đời sống hàng ngày của hai dân tộc này ở mức cao, và người Giáy có phần nhỉnh hơn.

Tỷ lệ người biết ngôn ngữ của các dân tộc khác (không bao gồm dân tộc Kinh) ở cả hai tộc người nghiên cứu đều ở mức thấp, 4,8% cho người Giáy, và 4,9% với người Hmông. Đối với ngôn ngữ nước ngoài, tỷ lệ người biết tiếng Trung trong cộng đồng hai tộc người này khá cao. Do điều kiện địa lý thuận lợi, người Hmông có mối quan hệ tộc người xuyên quốc gia trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, hôn nhân thường nhật với thân tộc, đồng tộc và khác tộc bên Trung Quốc. Một số người thông qua quan hệ gia đình (sang nhà anh rể chơi) đã tham gia làm công nhân và sống ở Trung Quốc một thời gian dài. Cũng tại địa bàn huyện Mường Khương, trong một nghiên cứu khác của các đồng nghiệp cho thấy hiện tượng tương tự. Có rất nhiều người trẻ Hmông nói thành thạo tiếng Trung Quốc phổ thông trong giao tiếp. Những người Giáy ở xã Quang Kim tham gia lao động bên Trung Quốc ít nhiều biết được một chút tiếng Trung cho mục đích giao tiếp, nhất là lớp trẻ. Thanh niên trong độ tuổi lao động từ 30 trở xuống, tự học tiếng Trung để làm việc trong các công ty giày dép, điện tử, may mặc ở tỉnh Quảng Đông và Phúc Kiến. Khảo sát phiếu cho kết quả khá tương đồng, người Giáy sử dụng tiếng Trung trên nền tảng wechat là 27,3%, người Hmông là 23,1%.

#### *2.4. Mục đích sử dụng mạng xã hội của người Giáy và người Hmông*

Người Giáy và người Hmông sử dụng internet và các nền tảng xã hội để tìm hiểu thông tin kinh tế, văn hóa, xã hội, kết nối bạn bè, người thân, tìm kiếm việc làm và giải trí... trong đó, kết nối liên lạc với mọi người chiếm ưu thế. Tuy nhiên, mục đích sử dụng trong mỗi ứng dụng có sự khác nhau và mỗi tộc người cũng có sự khác biệt nhất định. Do đối tượng khảo sát là những người từ 18 tuổi trở lên, và người tham gia trả lời phỏng vấn phiếu điều tra không theo thiết kế ban đầu bởi vài lý do khách quan nên một số mục đích sử dụng chưa phản ánh rõ thực trạng tại địa phương.

Người dân kết nối internet để xem các chương trình trên tivi, trong đó bản tin thời sự, chương trình giải trí, văn hóa, xã hội đóng vai trò chính. Trong thời gian dịch Covid-19 diễn ra, học sinh thực hiện chương trình học trực tuyến khiến tỷ lệ kết nối internet tăng lên. Song kết quả điều tra phiếu ở mục giải trí, xem phim, học tập tỷ lệ cho 16,2%, con số này chưa phản ánh đúng thực tế tại địa phương, bởi những người tham gia trả lời phiếu điều tra không thuộc nhóm tuổi đi học. Mục đích tìm hiểu chính sách, pháp luật, văn hóa, xã hội và kinh tế chiếm tỷ lệ cao, nhất là các thông tin văn hóa, xã hội (64,7%), kết quả này trùng khớp với thông tin phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm. Tivi của người dân hỏng hoặc không kết nối được với tần số sóng truyền hình qua chảo vệ tinh, họ chủ yếu theo dõi chương trình thời sự, kênh truyền hình vtv5, truyền hình Lào Cai thông qua các app.

Xét theo từng dân tộc cho thấy: người Giáy có tỷ lệ kết nối mạng internet khá cao 82,9%. Người dân tìm hiểu chính sách pháp luật của nhà nước cũng như các vấn đề văn hóa, xã hội, kinh tế trên các kênh truyền hình, phát thanh của nhà nước thông qua các mạng xã hội như facebook, zalo. Kết quả từ các cuộc thảo luận với cơ quan hữu quan và khảo sát phiếu điều tra cho thấy, người Giáy chủ yếu theo dõi tin tức trên app của đài truyền hình trung ương và địa phương thông qua điện thoại. Trình độ học vấn và mức thông thạo tiếng Việt của người Giáy tương đối cao, giúp họ nâng cao vốn hiểu biết qua các chương trình văn hóa, xã hội. Facebook và zalo là hai công cụ chính để người dân thực hiện kết nối các mối quan hệ gia đình, bạn bè, họ hàng, đồng tộc, trong đó zalo là phương tiện chính. Kết quả phân tích cho thấy, 60,6% người Giáy sử dụng zalo cho kết nối họ hàng, 53,5% cho mục đích

kết nối đồng tộc, tỷ lệ này thực hiện trên facebook là 55,6% và 46,7%. Việc kết nối với đồng đạo hay giải trí trên hai mạng xã hội này không đáng kể. Wechat chủ yếu dùng để kết bạn (63,6%), các mục đích tìm kiếm việc làm, kết nối với họ hàng, đồng tộc chiếm khoảng 27%.

Người Giáy thực hiện quan hệ xã hội thông qua các nền tảng xã hội phần lớn đều diễn ra ở Việt Nam. Zalo là ứng dụng được thực hiện nhiều nhất với 97,1%, tiếp đến là facebook 95,2%. Bởi facebook bị cấm hoạt động tại Trung Quốc, còn zalo là ứng dụng của Việt Nam, người Trung Quốc gần như không sử dụng nên hai ứng dụng này chỉ người Việt Nam dùng. Wechat được những người tham gia lao động ở Trung Quốc dùng làm công cụ trao đổi công việc với nhau và liên lạc với giới chủ người Trung Quốc. Song, 81,8% tần suất được thực hiện trong nước, 45,5% kết nối với người Trung Quốc.

Mạng internet đang thúc đẩy sự phát triển thương mại điện tử ở cộng đồng người Giáy. Thời gian gần đây, dưới sự hướng dẫn từ chính quyền địa phương, chương trình hỗ trợ của một số trường Đại học, tổ chức và phần lớn là sự chủ động của người dân thông qua quá trình theo dõi trên nền tảng facebook, zalo, họ đã thực hiện thương mại điện tử. Chị K cho biết, từ khi dịch bệnh, không sang Trung Quốc làm thuê được, ở nhà không có thu nhập, cả gia đình phụ thuộc vào tiền công bốc vác tại cửa khẩu của chồng, nhưng bữa có bữa không. Thời gian này, chị trồng rau, nuôi gà, vịt không mang ra chợ bán được, nên giao bán trên facebook để bạn bè biết, ai cần thì chị mang đến tận nhà. Ngoài chị K, nhiều chị em khác cũng bắt đầu thực hiện các giao dịch trên facebook, zalo, để tiêu thụ sản phẩm làm ra, cải thiện thu nhập. Đồng thời, họ thực hiện mua hàng trực tuyến từ shopee, lazada.

Tỷ lệ kết nối internet của người Hmông cũng ở mức rất cao 83,5%. Họ sử dụng nhiều nền tảng xã hội khác nhau như facebook, zalo, wechat, QQ, và youtube cho các mục đích tìm hiểu thông tin kinh tế, văn hóa, xã hội; kết nối các mối quan hệ xã hội; tìm kiếm và trao đổi việc làm; giải trí trong những lúc rảnh rỗi với phim truyện, ca nhạc. Mức độ sử dụng facebook của người Hmông ở mức 82,4%, họ chủ yếu dùng cho mục đích kết nối với người thân, họ hàng (73,9%), đồng tộc (69,6%) và tìm kiếm bạn bè (59,4%), sự tìm kiếm thông tin kinh tế, văn hóa, xã hội hay việc làm chỉ chiếm 1/3 thời lượng sử dụng facebook. Mục đích sử dụng trên nền tảng zalo cũng tương tự như facebook, thậm chí được dùng nhiều hơn cho các tương tác xã hội. Số lượng người Hmông sử dụng wechat trong lần khảo sát này tương đương với người Giáy, nhưng tần suất sử dụng cho mục đích kết nối quan hệ xã hội cao hơn. Cụ thể, người Hmông sử dụng wechat cho kết nối họ hàng là 69,7%, kết nối với người đồng tộc 76,9%. Các kết nối này thực hiện trong nước là chính với 83,3%, kết nối với người Trung Quốc 33,3%. Một số người Hmông ở A Mú Sung và Mường Khương không biết chữ Trung Quốc nhưng họ vẫn sử dụng được wechat thông qua chức năng gọi thoại. Đây là hiện trạng phổ biến ở một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Trong một nghiên cứu tại xã Y Tý của huyện Bát Xát cũng cho kết quả tương tự. Người Hà Nhì không biết chữ nhưng sử dụng wechat kết nối bạn bè, chủ thuê lao động người Trung Quốc để tiếp nhận thông tin và xử lý công việc liên quan. Đồng thời, wechat cũng là nơi để họ bày tỏ, chia sẻ cảm xúc, tâm trạng với bạn bè và thậm chí là những mối tình vụng trộm của người phụ nữ Hà Nhì (Bùi Thị Bích Lan, 2022).

Ngoài các nền tảng xã hội trên, youtube là phần mềm mang lại sức ảnh hưởng mạnh mẽ với người Hmông. Từ trẻ em đến người già, không phân biệt nam nữ, bất cứ lúc nào có thời gian là họ sử dụng youtube để nghe nhạc, xem phim. Họ xem các bộ phim truyền hình, phim hoạt hình có tính hài hước, nghe các bài hát dân ca bằng tiếng của dân tộc mình do cộng đồng người Hmông phát hành, chủ yếu đến từ Lào. Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng giúp cho người Hmông giữ gìn tiếng mẹ đẻ tốt hơn so với người Giáy. Một bà mẹ trẻ người Hmông cho biết, *lúc lên nương cô và mọi người thường nghe ca nhạc tiếng Hmông, buổi trưa và tối rảnh thì xem phim. Các bà già được con cháu hướng dẫn cũng rất thích xem, thậm chí xem nhiều hơn cả bọn em.*

Nhìn chung, mục đích sử dụng các mạng xã hội của hai tộc người này chủ yếu cho việc kết nối liên lạc giữa các thành viên trong gia đình, bạn bè trong sinh hoạt hàng ngày và trao đổi công việc. Ngoài ra, còn có mục đích giải trí và tìm hiểu đời sống xã hội. Youtube là một nền tảng giải trí rất được người dân ưa thích, bởi nó chứa đựng nhiều chương trình ca nhạc, phim phù hợp với văn hoá của người dân.

### 3. Kết luận

Bước vào thế kỷ XXI, lĩnh vực công nghệ thông tin đạt được nhiều thành tựu đã giúp cho internet và các nền tảng mạng xã hội đến với mọi người dân và chi phối cuộc sống của họ. Nhờ có



sự quan tâm của Đảng và Nhà nước cũng như các công ty viễn thông lớn trong nước, mà trong 4-5 năm trở lại đây, hệ thống mạng di động 3G, 4G phổ cập trong nhân dân. Điều này giúp cho cư dân vùng biên giới dễ dàng tiếp cận nguồn thông tin thông qua các thiết bị đầu cuối như tivi, đài phát thanh và điện thoại di động.

Người Giáy và Hmông ở vùng biên giới của tỉnh Lào Cai cũng nhanh chóng bắt nhịp xu hướng hiện đại. Họ sử dụng tivi, đài phát thanh, máy vi tính, điện thoại thông minh kết nối internet, mạng 3G, 4G làm phương tiện tiếp nhận và truyền tải thông tin. Trong các thiết bị đầu cuối trên, điện thoại thông minh được người dân sử dụng nhiều nhất với tỷ lệ 81,6%. Bởi nó đáp ứng được nhu cầu giải trí, liên lạc, tìm kiếm việc làm của người dân, lại có giá thành thấp, phù hợp với tình hình tài chính của họ. Ngoài chức năng nghe gọi thông thường, người dân sử dụng các nền tảng xã hội facebookk, zalo, wechat, youtube, trong đó facebook và zalo được sử dụng nhiều nhất với tỷ lệ tương ứng 80% và 85,9%. Hai nền tảng xã hội này vừa cho phép họ giải trí, thực hiện hoạt động thương mại, vừa có thể thực hiện giao tiếp xã hội. Youtube cũng được sử dụng nhiều, nhưng chủ yếu cho mục đích xem phim, nghe ca nhạc. Tuy nhiên, việc sử dụng internet và nền tảng xã hội được sử dụng nhiều bởi tầng lớp trung niên trở xuống, giảm dần đối với những người từ 50 tuổi trở lên. Điều này cũng được quy định bởi hệ thống ngôn ngữ mặc định trên internet và nền tảng xã hội.

Khả năng tiếp nhận nguồn thông tin đa dạng của người dân được nâng lên, làm thay đổi cuộc sống của họ. Các mối quan hệ xã hội được kết nối với nhau dễ dàng, thuận tiện hơn, đặc biệt quan hệ vượt không gian biên giới. Song, nguồn thông tin đa dạng nhưng chưa được kiểm duyệt tốt tiềm ẩn nhiều vấn đề xã hội phức tạp khó kiểm soát và an ninh quốc phòng. Nguồn thông tin đa dạng làm phai nhạt bản sắc văn hoá, ý thức tộc người, ý thức quốc gia dân tộc. Điều này đang tạo ra xu hướng hòa nhập vào nền văn hoá quốc gia, mối quan hệ giữa các tộc người thiếu số với tộc người đa số được gắn kết hơn, quan hệ nội tộc người được tăng cường và mở rộng trong quan hệ xã hội giữa các tộc người thiểu số. Đặc biệt mối quan hệ xuyên biên giới cùng với tính chất của nó đã, đang và sẽ còn chịu tác động mạnh bởi sự phát triển của internet và mạng xã hội.

### Tài liệu tham khảo

- Bùi Thị Bích Lan. (2022). Không gian ảo, cuộc sống thật: Ảnh hưởng của mạng xã hội đến đời sống của phụ nữ Hà Nhì ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Tạp chí *Dân tộc học*. Số 3.
- Lê Đức Tuấn. (8/4/2023). Thống kê người dùng mạng xã hội tại Việt Nam. *Dịch vụ Seohot*. <https://dichvuseohot.com/thong-ke-nguoi-dung-mang-xa-hoi-tai-viet-nam/>
- Mạnh Dũng. (16/02/2022). Phủ sóng viễn thông đến các thôn, bản khó khăn. *Báo Lào Cai*. <https://baolaocai.vn/bai-viet/353054-phu-song-vien-thong--den-cac-thon-ban-kho-khan>
- Nguyễn Thị Lan Hương. (2019). *Mạng xã hội đối với lối sống của thanh, thiếu niên Việt Nam hiện nay*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Quỳnh Chi. (21/9/2021). Việc tiếp cận công nghệ thông tin và internet của đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên đã có nhiều khởi sắc. *Thông tin và Truyền thông*. <https://ictvietnam.vn/viec-tiep-can-cntt-va-internet-cua-dong-bao-dan-toc-thieu-so-tay-nguyen-da-co-nhieu-khoi-sac2021092109023931.htm>
- Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai. (2020). *Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác truyền thông ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lào Cai*. Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài.
- Tổng cục Thống kê. (2019). *Kết quả điều tra thu nhập thông tin về thực trạng kinh tế-xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*. Nxb. Thống kê.
- Trần Thị Mai Lan và cộng sự. (2016). Dân tộc Giáy. In trong *Các dân tộc ở Việt Nam*. (Vương Xuân Tình chủ biên, *Các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái Kadai*. t.2). Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Ủy ban nhân dân xã Quang Kim. (2021). *Báo cáo kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 8 tháng đầu năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ 4 tháng cuối năm 2021*. Báo cáo lưu tại văn phòng - Ủy ban nhân dân xã.
- Xuân Trường (20/8/2021). Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin góp phần phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi. *Cổng thông tin điện tử Ủy ban Dân tộc*. <http://dttg.ubdt.gov.vn/54-dan-toc-viet-nam/tang-cuong-ung-dung-cong-nghe-thong-tin-gop-phan-thuc-day-vung-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui-ngay-cang-phat-trien.htm>